

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG
NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH NĂM 2023**

(Kèm theo Báo cáo số 440/BC-UBND ngày 12/12/2023 của UBND huyện Nam Giang)

- Tổng dự toán giao năm 2023: 5.683 triệu đồng
 - Thực hiện chi: 5.390 triệu đồng, đạt 94,8 % dự toán năm 2023
 - Nguồn dự phòng chưa thực hiện: 293 triệu đồng
- Cụ thể các nội dung chi từ nguồn dự phòng như sau:

Đvt: 1.000 đồng

TT	Đơn vị dự toán	Nội dung chi	Số tiền
1	UBND các xã, thị trấn	Chi mua gạo hỗ trợ cho nhân dân khó khăn có nguy cơ thiếu đói trong dịp Tết nguyên đán 2023	971.550
2	Hội LHPN	Chi mua hoa và quà tặng công dân lên đường nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc năm 2023	35.000
3	Huyện đội	Chi tổ chức Lễ ra quân huấn luyện năm 2023	156.000
4	Huyện đội	Chi tổ chức huấn luyện dân quân tự vệ năm 2023	685.850
5	TTKTNN	Chi mua vắc xin lở mồm long móng, dịch tả lợn, tiêm phòng gia súc 08 xã vùng cao vụ xuân năm 2023	70.000
6	Trung tâm YT	Tổ chức triển khai các điểm tiêm vắc xin Covid lưu động tại các trạm y tế xã và khu dân cư trên địa bàn huyện	60.000
7	Huyện đội	Chi mua sắm quần trang đồi hạt cho lực lượng dự bị động viên khi chưa đến mức phải động viên cục bộ	170.000
8	TTKTNN	Chi mua vắc xin lở mồm long móng, dịch tả lợn, tiêm phòng gia súc 04 xã vùng thấp vụ xuân năm 2023	80.000
9	UBND các xã, thị trấn	BS kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai năm 2020 (hỗ trợ sản xuất nông nghiệp)	971.620
10	Huyện đội	Chi mua quần trang phục vụ công tác diễn tập khu vực phòng thủ huyện	158.000
11	UBND thị trấn Thanh Mỹ, Cà Dy	Chi hỗ trợ trẻ em (F1) cách ly y tế được hỗ trợ chính sách trẻ em theo Nghị quyết số 68/NQ-CP	90.000
12	Công an	Chi phục vụ công tác diễn tập phòng thủ huyện năm 2023	126.000
13	Huyện đội	Chi thăm và dự lễ tuyên thệ chiến sĩ mới năm 2023	44.000
14	UBND các xã	Hỗ trợ khôi phục sản xuất nông nghiệp do bão số 4 gây ra từ ngày 27-29/9/2022	64.760
15	Huyện đội	Chi phục vụ công tác diễn tập phòng thủ huyện	1.000.000
16	Phòng KT-HT	Chi thuê phương tiện vận chuyển khung tập, tham quan diễn tập KVPT huyện	32.000
17	VP HĐND & UBND	Chi phục vụ công tác diễn tập phòng thủ huyện năm 2023 (KP thuê phòng nghỉ cho đại biểu)	20.000
18	Các cơ quan, đơn vị	Chi phục vụ công tác diễn tập phòng thủ huyện năm 2023	227.500
19	UBND 06 xã, thị trấn	Chi phục vụ diễn tập cho các xã	180.000
20	Huyện đội	Chi phục vụ diễn tập cho các xã	164.000
21	VP HĐND & UBND	Chi phục vụ công tác diễn tập phòng thủ huyện năm 2023 (KP thuê phòng nghỉ cho đại biểu)	33.745

TT	Đơn vị dự toán	Nội dung chi	Số tiền
22	Công an	Chi tập luyện các môn thể thao của lực lượng công an tại ngày hội VH TT và du lịch các huyện miền núi tỉnh QN lần thứ XX năm 2023	81.000
23	UBND các xã, thị trấn	Điều chỉnh sang chi từ nguồn sự nghiệp KT để khắc phục hậu quả thiên tai năm 2020 (hỗ trợ sản xuất nông nghiệp)	-971.620
24	UBND thị trấn Thanh Mỹ	Chi tổ chức ngày Hội toàn dân bảo vệ AN TQ	27.000
25	Huyện đội	KP diễn tập phòng thủ huyện (cấp đợt 02)	790.000
26	Huyện đội	Chi đăng cai, luyện tập và thi đấu giải thể thao kỷ niệm ngày 22/12	25.500
27	Huyện đội	Chi tham giải đấu thể thao chào mừng KN 79 năm ngày thành lập QĐND tại tỉnh	29.000
28	TTVHTT	Thanh toán KP phục vụ công tác diễn tập khu vực phòng thủ huyện	69.109
Tổng cộng			5.390.014



TỔNG NGUỒN TỈNH BỔ SUNG CÁC NHIỆM VỤ CHI NSNN**Đến ngày 30 tháng 11 năm 2023***(Kèm theo Báo cáo số 440/BC-UBND ngày 12/12/2023 của UBND huyện Nam Giang)**Đvt: 1.000 đồng*

TT	Ngày/tháng/năm	Số QĐ	Nội dung	Số tiền
1	03/02/2023	210	BS vốn đầu tư từ nguồn NS TW hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTX&MN	3.837.000
2	27/02/2023	347	BS KP để thực hiện chính sách tỉnh giãn biên chế (Đợt 1 năm 2023)	128.705
3	27/02/2023	346	Phân bổ vốn ngân sách tỉnh thực hiện Đề án KCH đường ĐH 4,1 tỷ và GTNT 1,2 tỷ	5.300.000
4	16/3/2023	528	Phân bổ KP sự nghiệp NSTW BS thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	120.000
5	28/3/2023	609	Nguồn NS TW bổ sung kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai năm 2022	12.000.000
6	4/28/2023	126	Cấp KP phục vụ công tác diễn tập khu vực phòng thủ huyện	550.000
7	4/4/2023	670	Nguồn ngân sách tỉnh BS thực hiện CT MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2023 (hỗ trợ phần đầu thôn đạt chuẩn nông thôn mới, hỗ trợ mô hình điển hình tiên tiến)	1.880.000
8	3/27/2023	590	Cấp kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai năm 2020 (hỗ trợ sản xuất nông nghiệp)	8.744.000
9	3/30/2023	632	BSKP vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (vốn TW: 38.582.056.530 đồng, Vốn tỉnh đối ứng: 11.912.936.015 đồng)	50.494.993
10	3/30/2023	635	Phân bổ KH vốn đầu tư phát triển nguồn TW bs thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới (hỗ trợ huyện trắng xã NTM)	15.400.000
11	4/13/2023	759	Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện CTMTQG phát triển KT-XH vùng dân tộc thiểu số và miền núi 2023 (NS TW 59,542 tỷ đồng, NS tỉnh 6,251 tỷ đồng)	65.793.000
12	5/17/2023	987	Phân bổ KP sự nghiệp thực hiện CT MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023(NS TW 25,035466 tỷ đồng, NS tỉnh 2,628725 tỷ đồng)	27.664.191
13	5/24/2023	1039	Phê duyệt quyết toán và BS KP thực hiện chính sách cho học sinh theo ND 116/2016/ND-CP năm 2022	1.526.590
14	5/29/2023	1072	Phân bổ KP thực hiện chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững (thực hiện các hạng mục bảo vệ rừng, khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh và hỗ trợ cộng đồng vùng đệm)	359.520

TT	Ngày/tháng/năm	Số QĐ	Nội dung	Số tiền
15	5/31/2023	1116	BSKP quà hiện vật thờ cúng liệt sỹ, thăm hỏi người có công với cách mạng tiêu biểu nhân kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh, Liệt sỹ 27/7/2023	215.400
16	5/29/2023	1079	Phân bổ KP SN nguồn TW thực hiện CT MTQG xây dựng nông thôn mới	800.000
17	7/10/2023	1418	BSKP thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (NSTW 1,531736 tỷ, NS tỉnh 160,832 triệu đồng)	1.692.568
18	8/1/2023	1598	Phân bổ KP từ nguồn DP XDCB NS tỉnh thực hiện NQ 48 là 18 tỷ, NQ 59: 566,73tr, đối ứng NQ 88: 3,7825 tỷ	22.349.230
19	8/10/2023	1686	BSKP hỗ trợ người lao động theo NQ 68/NQ-CP, Nghị quyết 45/NQ-HĐND và QĐ 337 Covid	10.960
20	8/11/2023	1695	Phân bổ KP sự nghiệp nguồn TW BS thực hiện CTMTQG xây dựng Nông thôn mới	600.000
21	8/15/2023	1715	Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng DTTS và miền núi năm 2023 (Dự án 3) (Nguồn TW 18,345 tỷ, NS tỉnh 1,926 tỷ đồng)	20.271.000
22	8/25/2023	1808	Phân bổ KP khắc phục cơ sở hạ tầng bị hư hỏng do thiên tai gây ra và các công trình có tính chất phòng, chống thiên tai để tạo điều kiện phục vụ sản xuất, sinh hoạt, ổn định cuộc sống của người dân	9.000.000
23	8/30/2023	1840	BSKP thực hiện chính sách tinh giảm biên chế theo Nghị định 108	585.761
24	9/5/2023	1868	Phê duyệt và BSKP thực hiện các chế độ, chính sách theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP năm 2022	2.142.778
25	9/7/2023	1891	Phê duyệt và BSKP thực hiện các chế độ, chính sách phát triển giáo dục mầm non trong năm 2022	1.534.335
26	10/5/2023	2126	Phân bổ KH vốn đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022 thực hiện NQ 47 về phát triển SN y tế	69.162
27	10/30/2023	2330	Hỗ trợ lại KP mua thiết bị dạy và học tối thiểu lớp 2 và lớp 6	3.986.000
28	11/2/2023	2367	BSKP hỗ trợ tiền điện hộ nghèo năm 2023 và truy lĩnh năm 2022	1.929.945
29	11/29/2023	2537	Bổ sung kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội năm 2023 theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ	3.397.000
30	11/9/2023	2411	Phân bổ KP kiên cố hóa hệ thống đường huyện (ĐH) 1,5 tỷ, KCH hệ thống đường GTNT 5,75 tỷ	7.250.000
31	11/16/2023	2493	BSKP lương tăng thêm theo NĐ 24 đối với KP cán bộ không chuyên trách xã, lực lượng bảo vệ dân phố	488.000

TT	Ngày/tháng/năm	Số QĐ	Nội dung	Số tiền
Tổng cộng				270.120.138

